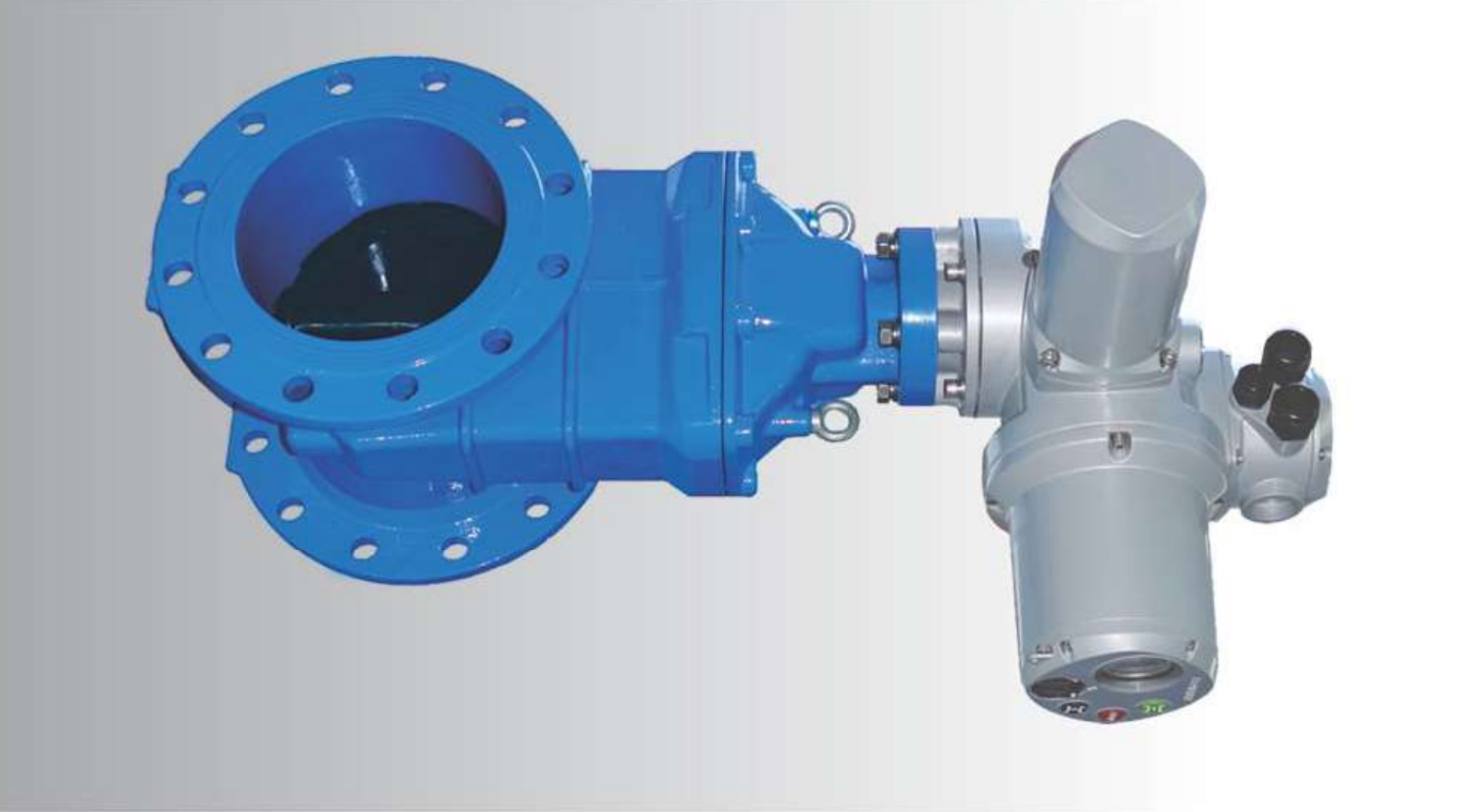


Mã Sản Phẩm Product Code	EMD	
Kích Thước Size	DN50 - DN600	
Tiêu Chuẩn Thiết Kế Design Standard	BS 5163-1, BS EN 1074-1	
	AWWA C509	
	ISO 7259	
	BS EN 558-1 TABLE 1 SERIES 3	
Tiêu Chuẩn Khoảng Cách 2 Mặt Bích Face To Face Standard	ISO 5752 TABLE 1 SERIES 3	
	ASME B16.10	
	MẶT BÍCH / FLANGE	
Kiểu Kết Nối Connection End	BS 4504	
	DIN 2632	
	DIN 2633	
	PN10, PN16, PN25	
Tiêu Chuẩn Kết Nối Và Áp Suất Làm Việc Connection Standard And Pressure Rating	JIS B2220	10K, 16K
	ASME B16.42	150LB
	Loại Sơn Type	EPOXY RESIN POWDER
Sơn Phủ Paint Coating	Tiêu Chuẩn Standard	JIS K 5551:2002 (TTCVN 9014:2011)
	Màu Sắc Colour	XANH - ĐỎ BLUE - RED
	Độ Dày Thickness	250~300µm
Nhiệt Độ Làm Việc Working Temp	-10 ~ 80 °C	
Môi Trường Làm Việc Flow Media	Hệ Thống Nước / Water Systems	





- Standard IP68
Tiêu chuẩn IP 68
- Hall switch local control
Điều khiển cục bộ
- Non-intrusive digital control
Kỹ thuật số không xâm nhập
- Aluminium alloy
Nhôm hợp kim
- Anti corrosion epoxy powder coating
Chống ăn mòn
- High strength alloy worm gear
Bánh răng hợp kim chịu cường độ cao
- Absolute encoder
Mã hóa cao
- Remote control
Điều khiển từ xa
- LCD display
Màn hình LCD

Loại thông minh EMD-Y/Intelligence Type EMD-Y

EDM loại thông minh áp dụng cấp bảo vệ tiêu chuẩn IP 68 để chống lại môi trường ngoài trời khắc nghiệt. Tiêu chuẩn IP68 cũng là tùy chọn (Với độ sâu 7m trong 72 giờ).

EMD Intelligence type adopts standard IP 68 protection grade to combat the harsh outdoor environment. IP68 standard is also optional (With 7m depth for 72 hours).

EDM loại thông minh trở lên được thiết kế với bộ điều khiển chuyển đổi cục bộ, thực hiện chống xâm nhập và dễ dàng cài đặt truyền động.

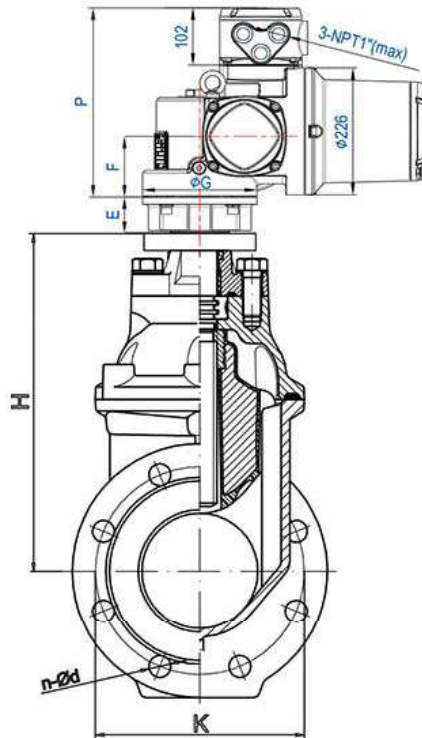
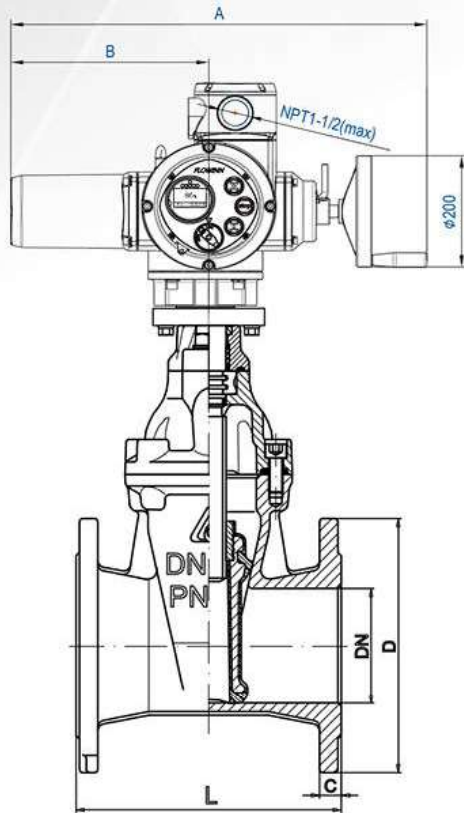
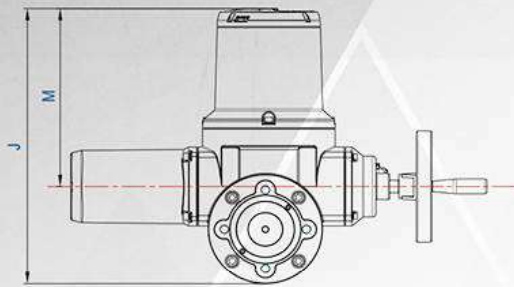
EDM Intelligence type and above is designed with hall switch local control unit, achieving non-intrusive and easy actuator setup.

Vỏ sản phẩm sử dụng hợp kim nhôm chịu cường độ cao nhỏ gọn. Với nhiều loại phản hồi tín hiệu, nó phù hợp cho ứng dụng trong hệ thống điều khiển chung.

The product housing use high strength aluminium alloy that is very compact. With multiple type of signal feedback it is appropriate for application in common control system.

Specification		
Protection		Standard IP68
Working	On/off	S2~15 min, no more than 60 times starts / hour
	Modulating	S4~25%, no more than 600 times trigger/ hour
Motor		Standard F class, built in heat sensors(135°C)
Input Signal	On/off	AC/DC 24 contro input or AC 110/220V or optoelectronic isolator
	Modulating	Input 4~20mA; 0~10V, 2~10V input impedance 250 Ω (4~20mA)
Feedback Signal Output	On/off	- Overall fault contact - Close valve contact - Open valve contact (Contact rating: 5A @ 250V _{ac})
	Modulating	Output: 4 - 20 mA; 0 - 10 V; 2 - 10 V Output impedance: ≤ 750 Ω (4 - 20 mA)
Fault Signal	On/off	Overall fault alarm; Power loss, motor over heat, lack of phase, over torque, signal loss, ESD protection, wiring terminal output
	Modulating	Supports signal reversal, dead zone ≤ 2%
Position Display		LCD display (percentage% display)
Local Control		Buttons(Open/Stop/Close/Local/Remote) / Infrared remote controller
Manual Switch		Manual clutch
Operational Protection		Over torque; motor over heat; anti condensation heater; auto sequence correction(only for 3 phase)
Cable gland size		Standard 2-NPT3/4"(can upgrade to 2-NPT1") Optional 3-NPT3/4"(can upgrade to 3-NPT1")

Torque(N.m)		100~610Nm (Direct output)
Speed (RPM)	50Hz	18、 24、 36、 48、 72、 96、 144
	60Hz	21、 29、 43、 57、 86、 115、 173
Voltage		3 phase: AC380V(±10%) 50/60Hz(±5%) 3 phase 3 wire 1 Phase 220V optional
Noise		Within 1m less than 70dB
Temperature		-30 °C ... +70 °C
Housing		Aluminium alloy
Coating		Epoxy powder coating
Mounting		Standard JB2920, Optional ISO5210 (A type or B type)



Dimension

Unit:mm

Model	Size	A	B	M	ΦG	E		F	J	P	Weight (kg)
						Type A	Type B				
EMD10/15		657	286	337	195	50	40	108	387	337	30
EMD20/30/40		710	338	316	195	65	42	108	490	337	36
EMD50/60/90		760	382	332	234	65	42	114	545	337	47

Note:

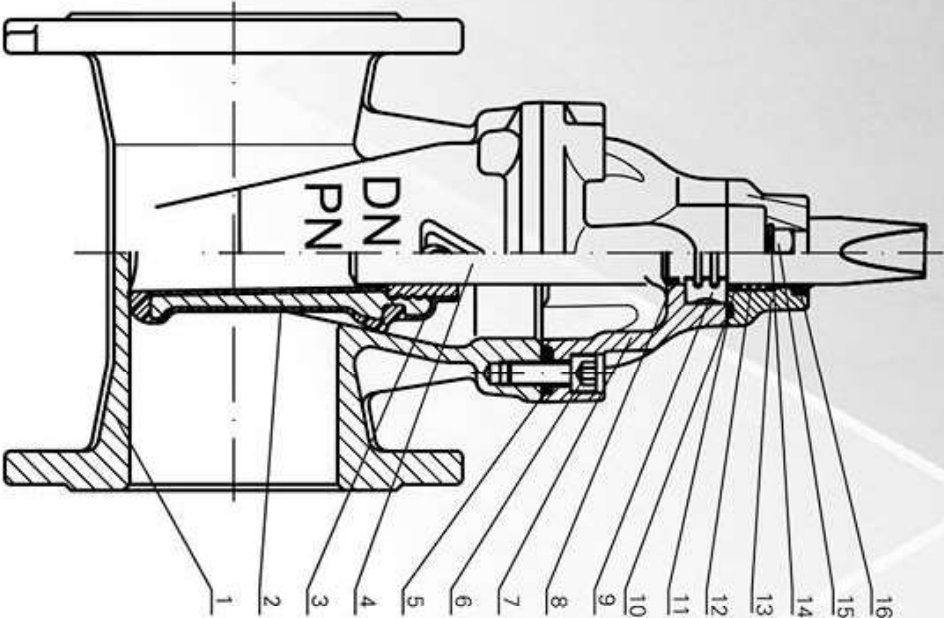
1. Integral type and Intelligent type have the same dimension.
2. Connection size is in accordance to ISO5210.
3. Type A is for RRHX.
4. Type B is for RVHX.

DN50-DN600: DIMENSION

Unit mm

DN	Model/No.	L	H	D			K			n-Ød			C		
				PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25	PN10	PN16	PN25
50	EMD10-0050	178	190	165	165	125	125			4-Ø19	4-Ø19	19	19		
65	EMD10-0065	190	206	185	185	145	145			4-Ø19	8-Ø19	19	19		
80	EMD10-0080	203	247	200	200	160	160			8-Ø19	8-Ø19	19	19		
100	EMD10-0100	229	276	220	235	180	190			8-Ø19	8-Ø23	19	19		
125	EMD15-0125	254	306	250	270	210	220			8-Ø19	8-Ø28	19	19		
150	EMD15-0150	267	376	285	300	240	250			8-Ø23	8-Ø28	19	20		
200	EMD20-0200	292	460	340	360	295	310			8-Ø23	12-Ø23	12-Ø28	20	22	
250	EMD30-0250	330	555	395	405	425	350	355	370	12-Ø23	12-Ø28	12-Ø31	22	24.5	
300	EMD30-0300	356	631	445	460	485	400	410	430	12-Ø23	12-Ø28	16-Ø31	24.5	27.5	
350	EMD40-0350	381	736	505	520	555	460	470	490	16-Ø23	16-Ø28	16-Ø34	24.5	30	
400	EMD50-0400	406	779	565	580	620	515	525	550	16-Ø26	16-Ø31	16-Ø37	24.5	32	
450	EMD60-0450	432	876	615	640	670	565	585	600	20-Ø26	20-Ø31	20-Ø37	25.5	34.5	
500	EMD60-0500	457	973	670	704	730	620	650	660	20-Ø26	20-Ø34	20-Ø37	26.5	36.5	
600	EMD90-0600	508	1168	780	827	845	725	770	770	20-Ø30	20-Ø37	20-Ø40	30	42	

RVCX: DETAIL DRAWING



PARTS LIST & MATERIAL

No	Part Name	Material	Material Code
1	Body	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
2	Wedge	Ductile Iron + Vulcanized Rubber	ASTM A536/EN GJS 500-7 + EPDM
3	Wedge Nut	Brass/Bronze	ASTM B824/B584
4	Stem	Stainless Steel	ASTM A276 420
5	Bonnet Gasket	Rubber	NBR
6	In Hex. Bolt	Stainless Steel / Carbon Steel	AISI 304 / A194
7	Bonnet	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
8	O-Ring	Rubber	NBR
9	Thrust Bearing	Brass	ASTM B824
10	O-Ring	Rubber	NBR
11	O-Ring	Rubber	NBR
12	Bushing	Plastic	Nylon
13	Cover	Ductile Iron	ASTM A536/EN GJS 500-7
14	Washer	Stainless Steel / Carbon Steel	AISI 304 / A194
15	Bolt	Stainless Steel / Carbon Steel	AISI 304 / A194
16	Dust Cover	Rubber	NBR